

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 7 - 2020
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thượng Văn Kinh;
2. Ông Đặng Minh Lý.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 220/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tr T, sinh năm 1995; Khu phố 8, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương, *có đơn xin vắng mặt.*
2. *Bị đơn:* Ông V H, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp T xã Th L, thị xã L, tỉnh Bình Phước, *có đơn xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại Đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Kim Thoa trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông H quen biết, thương yêu rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn Số 08, ngày 29/01/2016. Hôn nhân giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện.

Sau một thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm trong sống, lối sống. Mâu thuẫn vợ chồng là rất trầm trọng, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Từ cuối năm 2019, vợ chồng bắt đầu ly thân đến nay. Nay bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- *Về con chung*: Có 01 (một) con chung V U, sinh năm 21/9/2017. Từ nhỏ cũng như trong thời gian ly thân đến nay, con chung do một mình bà Thoa chăm sóc nuôi dưỡng. Vì con chung dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn tại Bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án thống nhất trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Thống nhất về quá trình quen biết, kết hôn chung sống, ly thân.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng. Ông không còn tình cảm với vợ. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc, thương yêu nhau. Nhưng ông không đồng ý ly hôn vì ông muốn được nuôi con. Trường hợp bà T đồng ý để ông nuôi con thì ông sẽ đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Thống nhất có 01 (một) con chung V U, sinh năm 21/9/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn ông H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo tố tụng và việc giải quyết vụ án*:

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trước đó có tạm trú nhưng hiện tại không còn cư trú tại phường H, thành phố Thủ Dầu Một. Tuy nhiên các bên thống nhất làm văn bản thỏa thuận đề nghị Tòa án nơi nguyên đơn cư trú giải quyết vụ án. Xét thấy nguyên đơn cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Việc các bên thỏa thuận Tòa án nơi nguyên đơn cư trú giải quyết vụ án là tự nguyện nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm b Khoản 1, Khoản 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các đương sự đều làm đơn xin vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu ly hôn: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận quen biết, thương yêu rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 29/01/2016. Hôn nhân giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên thừa nhận quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn và thời điểm vợ chồng ly thân. Các bên đều xác định mức độ mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, kéo dài và không còn tình cảm với nhau. Bị đơn chỉ đồng ý ly hôn nếu được nuôi con.

Như vậy có thể khẳng định, mâu thuẫn giữa các bên là trầm trọng, kéo dài, không có khả năng hàn gắn, hòa giải. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc nguyên đơn yêu cầu được ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Bị đơn xác định hiện công việc chưa ổn định. Nếu Tòa án giao con sẽ đưa con chung về chung sống với cha mẹ ruột tại tỉnh Bình Phước. Xét thấy từ khi sinh ra, cũng như quá trình ly thân con chung được sự chăm sóc của nguyên đơn. Mặt khác con chung đang dưới 36 tháng tuổi và là con gái cần sự chăm sóc rất nhiều của người mẹ ở độ tuổi này. Để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung chưa thành niên sau ly hôn, các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đặc biệt đối với độ tuổi nêu trên nên cần giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1, 3 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tr Th đối với bị đơn ông V H về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr Th được ly hôn với ông V H.
- Về con chung: Giao bà Tr T được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung V U, sinh năm 21/9/2017.
- Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Bà T và ông H đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông, bà thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Tr T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0041914 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quý